

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2025
đã được soát xét

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04 – 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	06 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 – 45

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Khái quát

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101493714, đăng ký lần đầu ngày ngày 24 tháng 5 năm 2004, và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 13 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh sách giáo dục, sách khác, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các xuất bản phẩm khác được phép lưu hành;
- Kinh doanh văn phòng phẩm;
- Sản xuất, mua bán thiết bị dạy học;
- In ấn và dịch vụ liên quan đến in.

Trụ sở chính của Công ty tại: Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau :

Hội đồng Quản trị

Ông Ngô Trọng Vinh	Chủ tịch
Ông Ngô Anh Phương	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Ủy viên
Bà Lâm Quỳnh Hương	Ủy viên
Bà Ngô Thị Thanh Huyền	Ủy viên
Bà Ngô Phương Anh	Ủy viên
Bà Bùi Thị Thu Lan	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Thanh Tùng	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Trọng Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hoa	Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Trọng Hà	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	Ủy viên	Từ ngày 25/4/2025
Ông Trần Văn Quế	Ủy viên	Đến ngày 25/4/2025
Bà Nguyễn Thị Mai	Ủy viên	

Người đại diện theo pháp luật trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này

Ông Nguyễn Thanh Tùng Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán NVA đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê chuẩn và cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2025

Số: 06.06.1.2/25/BCSX/NVA.CNHN

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội, được lập ngày 25 tháng 8 năm 2025, từ trang 06 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã được kiểm toán và soát xét bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất này tại ngày 24 tháng 3 năm 2025 và kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 26 tháng 8 năm 2024.

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán NVA

Phó Giám đốc



Nguyễn Hải Linh

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3407-2025-152-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		115.504.252.563	103.231.437.852
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	5.405.346.029	18.785.212.765
1. Tiền	111		5.405.346.029	2.785.212.765
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	16.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	26.349.196.604	15.103.201.010
1. Chứng khoán kinh doanh	121		26.688.865.623	15.170.615.550
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(339.669.019)	(67.414.540)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		61.124.797.867	54.182.826.132
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	30.960.970.205	17.594.939.271
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	325.948.613	216.651.173
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	24.670.000.000	31.470.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	12.946.483.490	12.949.824.328
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(7.778.604.441)	(8.048.588.640)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	21.826.117.638	14.054.682.403
1. Hàng tồn kho	141		24.445.300.085	16.020.598.187
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.619.182.447)	(1.965.915.784)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		798.794.425	1.105.515.542
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	247.314.702	126.601.420
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		551.479.723	977.914.122
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.15	-	1.000.000
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		76.583.250.995	79.023.619.411
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		62.900.000	62.900.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6	62.900.000	62.900.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		34.176.341.118	35.338.023.125
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	34.176.341.118	35.338.023.125
- Nguyên giá	222		49.825.043.555	50.232.485.373
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.648.702.437)	(14.894.462.248)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	-	-
- Nguyên giá	228		63.000.000	63.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(63.000.000)	(63.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	33.507.166.858	33.614.856.617
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		30.757.166.858	30.864.856.617
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.750.000.000	2.750.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.836.843.019	10.007.839.669
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	8.836.843.019	10.007.839.669
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		192.087.503.558	182.255.057.263

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		44.465.904.615	27.256.769.641
I. Nợ ngắn hạn	310		41.127.889.615	22.754.798.422
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	14.660.318.687	7.118.541.425
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	1.628.755.619	1.229.160.319
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	1.000.138.597	337.472.725
4. Phải trả người lao động	314		5.071.840.696	3.005.835.108
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	5.267.205.812	938.009.894
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	8.361.416.434	7.529.206.926
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	4.872.769.745	2.327.628.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		265.444.025	268.944.025
II. Nợ dài hạn	330		3.338.015.000	4.501.971.219
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17	46.000.000	46.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	3.292.015.000	4.455.829.000
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	142.219
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		147.621.598.943	154.998.287.622
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	147.621.598.943	154.998.287.622
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		102.194.840.000	102.194.840.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		102.194.840.000	102.194.840.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		669.277.482	669.277.482
5. Cổ phiếu quỹ	415		(2.116.606.556)	(2.116.606.556)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.199.483.599	14.199.483.599
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.478.813.018	22.671.041.993
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		15.969.314.396	13.325.821.414
- LNST chưa phân phối năm nay/kỳ này	421b		3.509.498.622	9.345.220.579
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		13.195.791.400	17.380.251.104
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		192.087.503.558	182.255.057.263

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc
CÔNG TY
CỔ PHẦN
SÁCH GIÁO DỤC
TẠI THÀNH PHỐ
HÀ NỘI
Nguyễn Thị Thanh

Nguyễn Thanh Tùng

8

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	37.354.992.230	36.459.749.967
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	180.917.600	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		37.174.074.630	36.459.749.967
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	22.218.132.330	22.047.862.668
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14.955.942.300	14.411.887.299
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	3.955.368.215	2.697.743.276
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	601.649.364	681.575.231
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		327.441.280	410.024.308
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(107.689.759)	1.691.361.654
9. Chi phí bán hàng	25	VI.8	7.144.926.209	6.878.252.672
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.9	4.413.758.119	2.993.595.683
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.643.287.064	8.247.568.643
12. Thu nhập khác	31	VI.6	190.909.091	7.240
13. Chi phí khác	32	VI.7	1.040	40
14. Lợi nhuận khác	40		190.908.051	7.200
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.834.195.115	8.247.575.843
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11	1.028.779.796	523.756.209
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.12	(142.219)	(426.659)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.805.557.538	7.724.246.293
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		3.509.498.622	4.432.093.346
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2.296.058.916	3.292.152.947
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.13	352	445
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.13	352	445

Người lập biểu

Vũ Nguyễn Lan Phương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa



Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Tùng

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Đại Mỗ, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.834.195.115	8.247.575.843
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.161.682.007	1.181.034.879
- Các khoản dự phòng	03		655.536.943	869.850.003
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.777.640.666)	(4.352.248.486)
- Chi phí lãi vay	06		327.441.280	410.024.308
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.201.214.679	6.356.236.547
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(13.703.816.534)	(6.485.358.171)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(8.424.701.898)	(5.614.440.190)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		13.976.336.434	2.523.146.642
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.050.283.368	971.024.791
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(11.518.250.073)	(3.051.570.500)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(327.441.280)	(410.024.308)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(390.049.799)	(1.016.186.419)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		7.020.000	26.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(10.520.000)	(143.445.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(13.139.925.103)	(6.844.617.408)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		190.909.091	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(2.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		6.800.000.000	1.800.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.353.684.731	2.996.201.626
Lưu chuyển tiền thuần hoạt động đầu tư	30		10.344.593.822	2.796.201.626

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Đại Mỗ, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		2.545.141.745	1.029.979.609
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.163.814.000)	(1.163.814.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(11.965.863.200)	(9.143.402.726)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.584.535.455)	(9.277.237.117)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(13.379.866.736)	(13.325.652.899)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		18.785.212.765	14.965.982.448
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	5.405.346.029	1.640.329.549

Người lập biểu



Vũ Nguyễn Lan Phương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoa



Nguyễn Thanh Tùng

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101493714, đăng ký lần đầu ngày ngày 24 tháng 5 năm 2004, và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 13 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xuất bản và phát hành sách.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh sách giáo dục, sách khác, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các xuất bản phẩm khác được phép lưu hành;
- Kinh doanh văn phòng phẩm;
- Sản xuất, mua bán thiết bị dạy học;
- In ấn và dịch vụ liên quan đến in.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là xuất bản và phát hành sách. Do đó, chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty phụ thuộc vào thời gian thực hiện hợp đồng với chủ đầu tư. Đối với các loại hình khác, chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

5. Các đặc điểm hoạt động quan trọng của Công ty trong kỳ

Không có sự kiện hay hoạt động kinh doanh bất thường nào có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty trong kỳ.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 Công ty có các công ty con như sau:

Tên công ty con	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Năng lượng EBS Solar Việt Nam	Sản xuất điện	67,48%	67,48%
Công ty Cổ phần Năng lượng EBS Solar Khánh An (*)	Sản xuất điện	70,00%	47,23%
Công ty Cổ phần Năng lượng EBS Solar Phương Nam (*)	Sản xuất điện	70,00%	47,23%

(*): Là các công ty mà Công ty kiểm soát gián tiếp thông qua quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Năng lượng EBS Solar Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 Công ty có các công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Phát hành Sách Giáo dục	Xuất bản và phát hành sách	21,82%	21,82%
Công ty Cổ phần Đại Dương Solar	Sản xuất điện	49,95%	33,70%

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 là: 33 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 30 người).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Trong năm công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với năm trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực đã ban hành. Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con. Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi. Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng tại Tổng Công ty thì báo cáo tài chính của công ty con sẽ được điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc hợp nhất báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trong bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở khoản mục hợp nhất trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

2. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá trị hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán (cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán, ...) được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được Công ty ghi nhận từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập là phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ.

a. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Giá trị khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

b. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

c. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Chênh lệch tăng hoặc giảm dự phòng các khoản đầu tư được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản cho vay

Các khoản cho vay được ghi nhận là số hiện có của các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến tồn thất có thể xảy ra hoặc không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản phải thu được trình bày ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: Bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho cuối kỳ trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình, vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao tài sản được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Kỳ này	Kỳ trước
Máy móc thiết bị	06 - 15	06 - 15
Phương tiện vận tải	05 - 10	05 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	02 - 08	02 - 08
Tài sản hữu hình khác	20	20

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định khác.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

10. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh kỳ được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

11. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội Đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm, nghị quyết Hội đồng quản trị và thông báo chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán được xác lập.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu như sau:

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được Công ty ghi nhận khi được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản mục này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến kỳ sau mới phát sinh hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:
 - + Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến kỳ sau bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ lập báo cáo (năm trước).
 - + Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Đại Mỗ, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho sẽ được hạch toán ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, ...

17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, ...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, ...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ, ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, ...).

18. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ hiện hành.

- Đối với thu nhập từ hoạt động bán điện năng lượng mặt trời tại các Công ty con:

Áp dụng thuế suất 10% trong 15 năm, miễn thuế trong 04 năm đầu tiên và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo kể từ khi dự án phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Năm 2021 là năm đầu tiên các Công ty con phát sinh doanh thu và có thu nhập chịu thuế đối với hoạt động bán điện năng lượng mặt trời.

- Đối với thu nhập từ các hoạt động khác: Áp dụng thuế suất là 20%.

19. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông (sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Đại Mỗ, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

20. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ hợp nhất lẻ, một nhóm các sản phẩm.

hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ngày ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Giao dịch với các bên có liên quan được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Tiền mặt	236.783.667	349.232.771
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.168.562.362	2.435.979.994
Các khoản tương đương tiền	-	16.000.000.000
Cộng	5.405.346.029	18.785.212.765

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI
 Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

		Cuối kỳ				Đầu năm				Đơn vị tính: VND
		Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	
2.	Các khoản đầu tư tài chính									
a.	Chứng khoán kinh doanh									
	Cổ phiếu niêm yết	26.646.308.173	30.927.710.000	(320.767.669)		13.463.665.250	14.080.000.060	(51.969.690)		
	Công ty Cổ phần Vinhomes (VMH)	-	-	-	-	90.000	3.651.969.750	3.600.000.060	(51.969.690)	
	Ngân hàng TMCP Quân đội (MBB)	348.800	7.541.325.045	8.999.040.000	-	140.000	3.051.570.500	3.514.000.000	-	
	Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	317.500	6.908.597.375	6.762.750.000	(145.847.375)	270.000	6.760.125.000	6.966.000.000	-	
	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital (BCG)	300.000	886.427.650	885.000.000	(1.427.650)	-	-	-	-	
	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)	1.076.500	10.742.395.459	13.886.850.000	-	-	-	-	-	
	Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV (CST)	25.100	567.562.644	394.070.000	(173.492.644)	-	-	-	-	
	Cổ phiếu chưa niêm yết	42.557.450	23.656.100	(18.901.350)		1.706.950.300	2.351.412.600	(15.444.850)		
	Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP (VLC) ⁽ⁱ⁾	1.550	42.557.450	23.656.100	(18.901.350)	1.550	42.557.450	27.112.600	(15.444.850)	
	Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV (CST) ⁽ⁱ⁾	-	-	-	-	100.000	1.664.392.850	2.324.300.000	-	
	Cộng	26.688.865.623	30.951.366.100	(339.669.019)		15.170.615.550	16.431.412.660	(67.414.540)		

Các chứng khoán kinh doanh hiện niêm yết tại các Sở Giao dịch chứng khoán thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

(i): Chứng khoán của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP hiện đang giao dịch trên UPCoM, theo đó giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá tham chiếu bình quân chiều giao dịch liên kế gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI
 Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Cuối kỳ			Đầu năm			Đơn vị tính: VND
	% sở hữu/biểu quyết	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	% sở hữu/biểu quyết	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	
Đầu tư vào Công ty liên kết		22.380.000.000	30.757.166.858	22.380.000.000	22.380.000.000	30.864.856.617	
Công ty Cổ phần Đại Dương Solar	49,95%	19.980.000.000	23.226.931.058	49,95%	19.980.000.000	23.139.793.826	
Công ty Cổ phần Phát hành Sách Giáo dục	21,82%	2.400.000.000	7.530.235.800	21,82%	2.400.000.000	7.725.062.791	
Cộng		22.380.000.000	30.757.166.858	22.380.000.000	22.380.000.000	30.864.856.617	

Các giao dịch chủ yếu phát sinh trong năm giữa Công ty với công ty liên kết: Chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.2.

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Cuối kỳ			Đầu năm				
	% sở hữu/biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	% sở hữu/biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác		2.750.000.000	-			2.750.000.000	-	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	3,00%	750.000.000	-	(*)	3,00%	750.000.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam	1,84%	2.000.000.000	-	(*)	1,84%	2.000.000.000	-	(*)
Cộng		2.750.000.000	-			2.750.000.000	-	

(*): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý các khoản đầu tư này do không có giá tham chiếu trên thị trường cho các khoản đầu và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****3. Phải thu khách hàng**

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	3.854.332.300	398.299.500
Công Ty TNHH Dịch Vụ Sách Nam An	5.781.715.769	5.781.715.769
Các đối tượng khác	21.324.922.136	11.414.924.002
Cộng	30.960.970.205	17.594.939.271

b. Phải thu khách hàng là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.2.

4. Trả trước cho người bán

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Khảo sát & Xây dựng Công trình Thịnh Phát	185.901.173	185.901.173
Công ty TNHH Du lịch Người thám hiểm Việt Nam	109.297.440	-
Các đối tượng khác	30.750.000	30.750.000
Cộng	325.948.613	216.651.173

5. Phải thu về cho vay

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đại Dương Solar (*)	24.670.000.000	31.470.000.000
Cộng	24.670.000.000	31.470.000.000

(*): Là các khoản cho Công ty Cổ phần Đại Dương Solar vay theo các Hợp đồng vay vốn năm 2020 và được điều chỉnh bổ sung theo Phụ lục Hợp đồng vay vốn số 02-ESE-DD/2024/PLHĐVV ngày 01/04/2024. Số tiền cho vay theo hợp đồng là 35.220.000.000 đồng. Thời hạn cho vay được gia hạn thêm 12 tháng kể từ ngày 02/04/2024. Lãi suất cho vay 10,2%/năm. Hợp đồng cho vay này được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ đầu tư Nhà máy điện mặt trời của Công ty Cổ phần Đại Dương Solar tại Ấp 7, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau và Nhà máy điện mặt trời tại Thị trấn Gành Hào, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

b. Phải thu về cho vay là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****6. Phải thu khác**

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	6.850.564.875	7.450.564.875
Tạm ứng	2.340.710.965	2.243.700.165
Phải thu khác	3.755.207.650	3.255.559.288
<i>Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần</i>	<i>2.980.000.000</i>	<i>2.980.000.000</i>
<i>Lãi dự thu</i>	<i>216.295.891</i>	<i>275.559.288</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>558.911.759</i>	<i>-</i>
Cộng	12.946.483.490	12.949.824.328
b. Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược dài hạn	62.900.000	62.900.000
Cộng	62.900.000	62.900.000

c. Phải thu khác là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI
 Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Nợ xấu		Đơn vị tính: VND					
7. Nợ xấu	Phải thu khách hàng	Cuối kỳ		Đầu năm			
		Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
		8.998.844.241	7.778.604.441	1.220.239.800	8.366.820.701	8.048.588.640	318.232.061
		5.781.715.769	5.781.715.769	-	5.781.715.769	5.781.715.769	-
		751.214.823	751.214.823	-	751.214.823	751.214.823	-
		1.353.678.690	478.402.029	875.276.661	842.157.670	588.087.409	254.070.261
		210.000.000	210.000.000	-	431.299.250	431.299.250	-
		125.697.600	125.697.600	-	125.697.600	125.697.600	-
		776.537.359	431.574.220	344.963.139	434.735.589	370.573.789	64.161.800
		8.998.844.241	7.778.604.441	1.220.239.800	8.366.820.701	8.048.588.640	318.232.061
		Cộng					
		8. Hàng tồn kho					
		Đơn vị tính: VND					
		8. Hàng tồn kho		Cuối kỳ		Đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
- Nguyên liệu, vật liệu		2.076.562	-	51.372.347	-		
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang		5.584.851.854	-	4.072.898.595	-		
- Thành phẩm		15.601.663.250	(2.028.206.941)	10.113.637.434	(1.676.265.620)		
- Hàng hoá		3.256.708.419	(590.975.506)	1.782.689.811	(289.650.164)		
Cộng		24.445.300.085	(2.619.182.447)	16.020.598.187	(1.965.915.784)		

25

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI
 Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí thuê kho	63.096.323	126.601.420
Chi phí quản lý xuất bán	145.521.456	-
Các khoản khác	38.696.923	-
Cộng	247.314.702	126.601.420
b. Dài hạn		
Chi phí thuê dài hạn văn phòng (*)	8.199.752.659	8.325.580.063
Chi phí bản thảo	-	1.045.169.246
Các khoản khác	637.090.360	637.090.360
Cộng	8.836.843.019	10.007.839.669

(*): Thuê dài hạn văn phòng theo Hợp đồng số 000997/2014/HĐTVP/VC1 ngày 17/9/2014 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 (Vinaconex 1), thời gian thuê là 44 năm từ ngày 15/10/2014. Công ty đã thanh toán toàn bộ tiền thuê cho cả thời gian thuê vào năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

						Đơn vị tính: VND
10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình						
	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ Quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng	
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	187.869.455	4.199.549.808	2.285.461.273	43.559.604.837	50.232.485.373	
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	
- <i>Mua trong kỳ</i>	-	-	-	-	-	
Số giảm trong kỳ	-	(407.441.818)	-	-	(407.441.818)	
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	(407.441.818)	-	-	(407.441.818)	
Số dư cuối kỳ	187.869.455	3.792.107.990	2.285.461.273	43.559.604.837	49.825.043.555	
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư Đầu năm	187.869.455	3.751.866.794	2.242.805.019	8.711.920.980	14.894.462.248	
Số tăng trong kỳ	-	60.274.151	12.417.732	1.088.990.124	1.161.682.007	
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	-	60.274.151	12.417.732	1.088.990.124	1.161.682.007	
Số giảm trong kỳ	-	(407.441.818)	-	-	(407.441.818)	
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	(407.441.818)	-	-	(407.441.818)	
Số dư cuối kỳ	187.869.455	3.404.699.127	2.255.222.751	9.800.911.104	15.648.702.437	
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	-	447.683.014	42.656.254	34.847.683.857	35.338.023.125	
Tại ngày cuối kỳ	-	387.408.863	30.238.522	33.758.693.733	34.176.341.118	

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao còn sử dụng là 5.584.532.355 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định dùng để chấp đảm bảo khoản vay: 33.758.693.733 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI
 Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	63.000.000	63.000.000
Số dư cuối kỳ	63.000.000	63.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	63.000.000	63.000.000
Số dư cuối kỳ	63.000.000	63.000.000
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối kỳ	-	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao còn sử dụng là 63.000.000 đồng.

12. Vay và nợ thuê tài chính

	Đầu năm			Phát sinh trong kỳ			Cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm		Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	2.327.628.000	2.327.628.000		3.708.955.745	1.163.814.000		4.872.769.745	4.872.769.745
Vay ngắn hạn	-	-		2.545.141.745	-		2.545.141.745	2.545.141.745
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội ^(a)	-	-		2.545.141.745	-		2.545.141.745	2.545.141.745
Vay dài hạn đến hạn trả	2.327.628.000	2.327.628.000		1.163.814.000	1.163.814.000		2.327.628.000	2.327.628.000
Ngân hàng TMCP Quân đội ^(b)	2.327.628.000	2.327.628.000		1.163.814.000	1.163.814.000		2.327.628.000	2.327.628.000
b. Vay dài hạn	4.455.829.000	4.455.829.000		-	1.163.814.000		3.292.015.000	3.292.015.000
Vay dài hạn	4.455.829.000	4.455.829.000		-	1.163.814.000		3.292.015.000	3.292.015.000
Ngân hàng TMCP Quân đội ^(b)	4.455.829.000	4.455.829.000		-	1.163.814.000		3.292.015.000	3.292.015.000
Tổng cộng	6.783.457.000	6.783.457.000		3.708.955.745	2.327.628.000		8.164.784.745	8.164.784.745

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

(a): Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 01/2024/13275213/HĐTDHM ngày 23 tháng 5 năm 2024 để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C với hạn mức tín dụng thường xuyên là 25 tỷ đồng, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn và lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Khoản vay được bảo đảm bằng số dư tiền gửi không kỳ hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Hà Nội và các Tổ chức tín dụng khác.

(b): Vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Hai Bà Trưng theo các Hợp đồng sau:

- Hợp đồng vay số 65579.20.065.8281646.TD ngày 23/11/2020 với tổng giá trị hợp đồng là 9,2 tỷ đồng trong thời hạn 84 tháng từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay: Đầu tư xây dựng hệ thống điện mặt trời mái nhà công suất < 1MW tại Ấp Tham Trới, xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Lãi suất vay thả nổi được xác định theo văn bản nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng Quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện được ký kết giữa Công ty Cổ phần Năng lượng EBS Solar Phương Nam và Công ty điện lực địa phương, Quyền sử dụng đất, công trình xây dựng/bê tông cốt thép thực hiện dự án trong suốt thời gian vay, Hệ Thống Máy móc thiết bị điện mặt trời mái nhà hình thành từ vốn vay ngân hàng và Tài sản đảm bảo khác đủ điều kiện nhận theo quy định của ngân hàng từng kỳ.
- Hợp đồng vay số 66414.20.065.8273617.TD ngày 25/11/2020 với tổng giá trị hợp đồng là 9,2 tỷ đồng trong thời hạn 84 tháng từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay: Đầu tư xây dựng hệ thống điện mặt trời mái nhà công suất < 1MW tại Ấp Tham Trới, xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Lãi suất vay thả nổi được xác định theo văn bản nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền (Số phát hành: CP 267302; Số vào sổ cấp GCN: CS01167), Quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện được ký kết giữa Công ty Cổ phần Năng lượng EBS Solar Khánh An và Công ty điện lực địa phương, Quyền sử dụng đất, công trình xây dựng/bê tông cốt thép thực hiện dự án trong suốt thời gian vay, Hệ thống máy móc thiết bị điện mặt trời mái nhà hình thành từ vốn vay ngân hàng, và Tài sản đảm bảo khác đủ điều kiện nhận theo quy định của ngân hàng từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Đại Mỗ, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

13. Phải trả người bán

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại P.P	2.025.091.342	2.025.091.342	-	-
Xí nghiệp Bán đồ 1 – Chi nhánh Công ty TNHH MTV Trắc địa Bán đồ	2.720.209.239	2.720.209.239	968.148.203	968.148.203
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	2.191.975.000	2.191.975.000	-	-
Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	7.723.043.106	7.723.043.106	6.150.393.222	6.150.393.222
Cộng	14.660.318.687	14.660.318.687	7.118.541.425	7.118.541.425

b. Phải trả người bán là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.2.**14. Người mua trả tiền trước**

	Cuối kỳ	Đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	1.225.468.437	1.225.468.437
Bà Lê Ánh Nguyệt	383.000.000	-
Các đối tượng khác	20.287.182	3.691.882
Cộng	1.628.755.619	1.229.160.319

b. Người mua trả tiền trước là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI
 Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Đại Mỗ, TP Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

							Đơn vị tính: VND	
15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã nộp trong kỳ		Cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp					Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	418.736.173	418.736.173	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	265.049.799	1.028.779.796	390.049.799	390.049.799	-	-	903.779.796
Thuế thu nhập cá nhân	-	72.422.926	574.203.752	550.267.877	550.267.877	-	-	96.358.801
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	86.412.744	86.412.744	86.412.744	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	1.000.000	-	15.000.000	14.000.000	14.000.000	-	-	-
Cộng	1.000.000	337.472.725	2.123.132.465	1.459.466.593	1.459.466.593	-	-	1.000.138.597

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Đại Mỗ, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****16. Chi phí phải trả**

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Ngắn hạn		
Trích trước hoa hồng môi giới	207.590.018	938.009.894
Chi phí bản thảo	5.059.615.794	-
Cộng	5.267.205.812	938.009.894

17. Phải trả khác

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	3.826.491	-
Cổ tức lợi nhuận phải trả	8.356.578.383	7.140.195.366
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.011.560	389.011.560
Cộng	8.361.416.434	7.529.206.926
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược của các Nhà sách dài hạn	46.000.000	46.000.000
Cộng	46.000.000	46.000.000

c. Phải trả khác là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI
 Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Đại Mỗ, TP Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

								Đơn vị tính: VND
18. Vốn chủ sở hữu								
a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng	
Số dư đầu năm trước	102.194.840.000	669.277.482	(2.116.606.556)	14.132.164.715	23.089.819.812	13.082.154.116	151.051.649.569	
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	9.345.220.579	5.972.291.034	15.317.511.613	
Phân phối lợi nhuận trong năm trước tại Công ty mẹ	-	-	-	67.318.884	(8.174.423.850)	-	(8.107.104.966)	
Tặng/giảm khác	-	-	-	-	(1.589.574.548)	(1.674.194.046)	(3.263.768.594)	
Số dư cuối năm trước	102.194.840.000	669.277.482	(2.116.606.556)	14.199.483.599	22.671.041.993	17.380.251.104	154.998.287.622	
Số dư đầu năm nay	102.194.840.000	669.277.482	(2.116.606.556)	14.199.483.599	22.671.041.993	17.380.251.104	154.998.287.622	
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	3.509.498.622	2.296.058.916	5.805.557.538	
Phân phối lợi nhuận trong kỳ này tại Công ty mẹ ^(*)	-	-	-	-	(7.972.467.200)	-	(7.972.467.200)	
Phân phối lợi nhuận trong kỳ này tại Công ty con	-	-	-	-	-	(5.209.779.017)	(5.209.779.017)	
Tặng/giảm khác	-	-	-	-	1.270.739.603	(1.270.739.603)	-	
Số dư cuối kỳ này	102.194.840.000	669.277.482	(2.116.606.556)	14.199.483.599	19.478.813.018	13.195.791.400	147.621.598.943	

(*): Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông năm 2025 số 01/2025/ĐHĐCĐ-BB ngày 25/4/2025 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/SGDHN ngày 25/4/2025, Công ty thực hiện chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền với tỷ lệ 8% tương ứng với 7.972.467.200 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Đại Mỗ, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Cuối kỳ VND	%	Đầu năm VND	%
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	25.911.000.000	25	25.911.000.000	25
Bà Ngô Phương Anh	24.102.000.000	24	24.102.000.000	24
Các đối tượng khác	52.181.840.000	51	52.181.840.000	51
Cộng	102.194.840.000	100	102.194.840.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận, chia cổ tức

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	102.194.840.000	102.194.840.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	102.194.840.000	102.194.840.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	7.972.467.200	7.972.467.200

d) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.219.484	10.219.484
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.219.484	10.219.484
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.219.484</i>	<i>10.219.484</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	253.900	253.900
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>253.900</i>	<i>253.900</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.965.584	9.965.584
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9.965.584</i>	<i>9.965.584</i>

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e) Các quỹ của Công ty

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Quỹ đầu tư phát triển	14.199.483.599	14.199.483.599
Cộng	14.199.483.599	14.199.483.599

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Doanh thu bán sách	32.120.790.053	30.755.015.526
Doanh thu bán thành phẩm điện	5.234.202.177	5.704.734.441
Cộng	37.354.992.230	36.459.749.967

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Đại Mỗ, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****Doanh thu với các bên liên quan:** Xem thuyết minh VIII.2.**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Hàng bán bị trả lại	180.917.600	-
Cộng	180.917.600	-

3. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Giá vốn của sách	20.441.120.633	19.696.178.060
Giá vốn của thành phẩm điện	1.123.745.034	1.146.458.445
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.619.182.447	2.542.872.287
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.965.915.784)	(1.337.646.124)
Cộng	22.218.132.330	22.047.862.668

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.671.071.334	1.793.386.832
Lãi bán các khoản đầu tư	1.260.946.881	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.023.350.000	867.500.000
Lãi bán hàng trả chậm	-	36.856.444
Cộng	3.955.368.215	2.697.743.276

5. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Lãi tiền vay	327.441.280	410.024.308
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.953.605	1.080.072
Lãi mua hàng trả chậm	-	14.559.460
Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	339.669.019	273.940.684
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(67.414.540)	(18.029.293)
Cộng	601.649.364	681.575.231

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Đại Mỗ, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****6. Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
	VND	VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	190.909.091	-
Các khoản khác	-	7.240
Cộng	190.909.091	7.240

7. Chi phí khác

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
	VND	VND
Các khoản khác	1.040	40
Cộng	1.040	40

8. Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên	3.917.699.445	3.504.452.531
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	119.361.000	259.434.400
Chi phí thuê kho	387.399.560	376.116.840
Chi phí khấu hao tài sản cố định	59.563.049	-
Các khoản chi phí bán hàng khác	2.660.903.155	2.738.248.901
Cộng	7.144.926.209	6.878.252.672

9. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.073.228.023	2.510.772.943
Chi phí vật liệu quản lý	1.388.889	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.128.834	14.551.023
Thuế, phí và lệ phí	115.592.744	-
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	(269.984.199)	(591.287.551)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	427.801.752	-
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.052.602.076	1.059.559.268
Cộng	4.413.758.119	2.993.595.683

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Đại Mỗ, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.561.025.242	4.483.327.390
Chi phí nhân công	6.990.927.468	6.015.225.474
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.161.682.007	1.181.034.879
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.667.070.669	14.362.245.228
Chi phí khác	4.675.796.538	1.364.502.953
Chi phí dự phòng	416.254.601	-
Cộng	35.472.756.525	27.406.335.924

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

- Đối với thu nhập từ hoạt động bán điện năng lượng mặt trời tại các Công ty con:

Áp dụng thuế suất 10% trong 15 năm, miễn thuế trong 4 năm đầu tiên và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi dự án phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Năm 2021 là năm đầu tiên các Công ty con phát sinh doanh thu và có thu nhập chịu thuế đối với hoạt động bán điện năng lượng mặt trời.

- Đối với thu nhập từ các hoạt động khác: Áp dụng thuế suất là 20%.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.028.779.796	523.756.209
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.028.779.796	523.756.209

12. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Hoàn nhập chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(142.219)	(426.659)
Cộng	(142.219)	(426.659)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Đại Mỗ, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	3.509.498.622	4.432.093.346
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông	3.509.498.622	4.432.093.346
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành (*)	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	9.965.584	9.965.584
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	352	445
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	352	445

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo này.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin sự kiện sau niên độ**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2025 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Thông tin về các bên liên quan**2.1 Danh mục các bên liên quan**

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cổ đông nắm giữ 25% vốn điều lệ
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Đơn vị phụ thuộc của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Cùng Chủ tịch HĐQT là ông Ngô Trọng Vinh
Công ty Cổ phần Đại Dương Solar	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát hành Sách Giáo dục	Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Đại Mỗ, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban Kiểm soát và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

2.2 Giao dịch với bên liên quan

Trong kỳ, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch VND	
		Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Chi phí làm sách Ngoại ngữ 1	-	1.223.295.741
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Quản lý xuất bản	710.630.555	599.999.086
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Cung ứng sách	-	164.989.000
Công ty Cổ phần Phát hành Sách Giáo dục	Chia cổ tức	500.008.000	500.008.000
	Cung ứng sách	804.091.320	1.147.414.200
Công ty Cổ phần Đại Dương Solar	Thu tiền cho vay	6.800.000.000	1.800.000.000
	Lãi cho vay	1.483.686.411	1.750.554.739
	Phân phối lợi nhuận	4.559.279.017	-
	Lãi bán hàng trả chậm	-	36.856.444

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Phải thu khách hàng (TM V.3)	782.685.497	927.001.137
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	-	98.406.960
Công ty Cổ phần Phát hành Sách Giáo dục	782.685.497	828.594.177
Phải thu cho vay (TM V.5)	24.670.000.000	31.470.000.000
Công ty Cổ phần Đại Dương Solar	24.670.000.000	31.470.000.000
Phải thu khác (TM V.6)	7.066.860.766	6.673.655.831
Công ty Cổ phần Đại Dương Solar	7.066.860.766	6.673.655.831
Phải trả người bán (TM V.13)	286.207.907	290.526.907
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	33.481.000	37.800.000
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	252.726.907	252.726.907
Người mua trả trước (TM V.14)	1.225.468.437	1.225.468.437
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	1.225.468.437	1.225.468.437
Phải trả ngắn hạn khác (TM V.17)	8.331.279.276	7.245.000.259
Công ty Cổ phần Đại Dương Solar	8.331.279.276	7.245.000.259

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Đại Mỗ, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thu nhập của Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng trong kỳ:

Họ tên	Chức danh	Thu nhập, thù lao	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc				
Ông Ngô Trọng Vinh	Chủ tịch HĐQT	Thù lao	21.000.000	21.000.000
	Phó Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	90.970.512	85.478.895
Ông Ngô Anh Phương	Phó Chủ tịch HĐQT	Thù lao	16.800.000	16.800.000
Bà Ngô Phương Anh	Ủy viên HĐQT	Thù lao	15.000.000	15.000.000
Bà Lâm Quỳnh Hương	Ủy viên HĐQT	Thù lao	15.000.000	15.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Ủy viên HĐQT	Thù lao	15.000.000	15.000.000
	Tổng Giám Đốc	Lương, thưởng	386.995.954	410.399.882
Bà Bùi Thị Thu Lan	Ủy viên HĐQT	Thù lao	15.000.000	5.500.000
Ông Tô Thanh Bình	Ủy viên HĐQT		-	9.500.000
Bà Ngô Thị Thanh Huyền	Ủy viên HĐQT	Thù lao	15.000.000	15.000.000
Kế toán trưởng, Ban Kiểm soát				
Ông Nguyễn Trọng Hà	Trưởng Ban Kiểm soát	Thù lao	9.000.000	9.000.000
Bà Nguyễn Thị Mai	Ủy viên Ban kiểm soát	Thù lao	6.000.000	6.000.000
Ông Trần Văn Quế	Ủy viên Ban kiểm soát	Thù lao	3.800.000	6.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	Ủy viên Ban kiểm soát	Thù lao	2.200.000	-
Bà Nguyễn Thị Hoa	Kế toán trưởng	Lương, thưởng	268.381.351	290.106.544
	Thư ký	Thù lao	6.000.000	6.000.000
Tổng cộng			886.147.817	925.785.321

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Lĩnh vực các sản phẩm giáo dục;
- Lĩnh vực 2: Lĩnh vực kinh doanh pin năng lượng mặt trời, máy biến áp;
- Lĩnh vực 3: Lĩnh vực kinh doanh điện năng lượng mặt trời.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI
 Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Đại Mỗ, TP Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND									
Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực KD	Hoạt động kinh doanh các sản phẩm giáo dục		Hoạt động kinh doanh pin năng lượng mặt trời, máy biến áp		Hoạt động kinh doanh điện năng lượng mặt trời		Loại trừ		Tổng cộng
	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2024
Doanh thu thuần bộ phần	31.939.872.453	30.755.015.526	-	-	5.234.202.177	5.704.734.441	-	-	37.174.074.630
Chi phí bộ phận	32.331.108.385	30.465.924.150	270.440.194	246.559.280	1.174.556.977	1.205.094.302	711.102	2.133.291	33.776.816.658
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	(391.235.932)	289.091.376	(270.440.194)	(246.559.280)	4.059.645.200	4.499.640.139	(711.102)	(2.133.291)	3.397.257.972
Chi phí tài chính	312.896.401	261.740.657	2.244.612.329	2.451.045.204	288.752.963	496.138.958	(2.244.612.329)	(2.527.349.588)	601.649.364
Doanh thu tài chính	6.062.935.508	4.710.623.128	1.486.349.769	1.863.780.085	195.267	189.651	(3.594.112.329)	(3.876.849.588)	3.955.368.215
Lãi/(lỗ) từ hoạt động tài chính	5.750.039.107	4.448.882.471	(758.262.560)	(587.265.119)	(288.557.696)	(495.949.307)	(1.349.500.000)	(1.349.500.000)	3.353.718.851
Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-	-	-	-	-	(107.689.759)
Thu nhập khác	190.909.091	7.240	-	-	-	-	-	-	190.909.091
Chi phí khác	1.040	40	-	-	-	-	-	-	1.040
Lãi/(lỗ) từ hoạt động khác	190.908.051	7.200	-	-	-	-	-	-	190.908.051
Lợi nhuận trước thuế									6.834.195.115
Chi phí thuế TNDN hiện hành									1.028.779.796
Chi phí thuế TNDN hoãn lại									(142.219)
Lợi nhuận sau thuế TNDN									5.805.557.538
									7.724.246.293

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI
 Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Đại Mỗ, TP Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực KD	Hoạt động kinh doanh các sản phẩm giáo dục		Hoạt động kinh doanh pin năng lượng mặt trời, máy biến áp		Hoạt động kinh doanh điện năng lượng mặt trời		Loại trừ		Tổng cộng	
	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Tài sản ngắn hạn	125.446.074.670	110.219.190.833	43.686.450.113	51.500.588.347	848.518.447	1.185.382.326	(54.476.790.667)	(59.673.723.654)	115.504.252.563	103.231.437.852
Tài sản dài hạn	27.962.390.404	29.205.367.835	26.980.000.000	26.980.000.000	33.758.693.733	34.847.683.857	(12.117.833.142)	(12.009.432.281)	76.583.250.995	79.023.619.411
Tổng tài sản	153.408.465.074	139.424.558.668	70.666.450.113	78.480.588.347	34.607.212.180	36.033.066.183	(66.594.623.809)	(71.683.155.935)	192.087.503.558	182.255.057.263
Nợ ngắn hạn	30.193.130.889	13.134.797.463	47.624.277.671	52.409.713.151	17.787.271.722	16.884.011.462	(54.476.790.667)	(59.673.723.654)	41.127.889.615	22.754.798.422
Nợ dài hạn	46.000.000	46.000.000	-	-	3.292.015.000	4.455.829.000	-	142.219	3.338.015.000	4.501.971.219
Tổng nợ	30.239.130.889	13.180.797.463	47.624.277.671	52.409.713.151	21.079.286.722	21.339.840.462	(54.476.790.667)	(59.673.581.435)	44.465.904.615	27.256.769.641
Khấu hao	71.980.781	89.911.464	-	-	1.088.990.124	1.088.990.124	711.102	2.133.291	1.161.682.007	1.181.034.879

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chi hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh sách trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Đại Mỗ, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách			
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị sổ sách	Dự phòng	Giá trị sổ sách	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.405.346.029	-	18.785.212.765	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	41.566.742.730	(7.778.604.441)	28.301.063.434	(8.048.588.640)
Phải thu về cho vay	24.670.000.000	-	31.470.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	26.688.865.623	(339.669.019)	15.170.615.550	(67.414.540)
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-
Cộng	98.330.954.382	(8.118.273.460)	93.726.891.749	(8.116.003.180)

	Giá trị sổ sách	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả cho người bán	14.660.318.687	7.118.541.425
Vay và nợ	8.164.784.745	6.783.457.000
Chi phí phải trả	5.267.205.812	938.009.894
Các khoản phải trả khác	8.357.589.943	7.529.206.926
Cộng	36.449.899.187	22.369.215.245

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng: Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng. Tiền gửi ngân hàng: Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Đại Mỗ, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****6. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ	33.157.884.187	3.292.015.000	36.449.899.187
Phải trả cho người bán	14.660.318.687	-	14.660.318.687
Vay và nợ	4.872.769.745	3.292.015.000	8.164.784.745
Chi phí phải trả	5.267.205.812	-	5.267.205.812
Các khoản phải trả khác	8.357.589.943	-	8.357.589.943
Số đầu năm	17.913.386.245	4.455.829.000	22.369.215.245
Phải trả cho người bán	7.118.541.425	-	7.118.541.425
Vay và nợ	2.327.628.000	4.455.829.000	6.783.457.000
Chi phí phải trả	938.009.894	-	938.009.894
Các khoản phải trả khác	7.529.206.926	-	7.529.206.926

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Đại Mỗ, TP Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Trong năm không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC.

permanente



Tổng Giám đốc
CÔNG TY
CỔ PHẦN
SÁCH GIÁO DỤC
TẠI THÀNH PHỐ
HÀ NỘI
Q. CẦU GIẤY - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Thanh Tùng

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2025